

GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC HOẠCH ĐỊNH ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG

★ ThS ĐỖ THỊ QUỲNH ANH

Trường Đại học Nguyễn Huệ (Bộ Quốc phòng)

● **Tóm tắt:** Tư tưởng ngoại giao là một nét đặc sắc trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, được hiện thực hóa trong chính tấm gương đạo đức, phong cách ngoại giao nhân văn của Người. Với quan điểm: Việt Nam luôn sẵn sàng xây dựng quan hệ hợp tác với bất cứ một nước nào... và nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, tư tưởng của Người đã soi sáng con đường ngoại giao của Đảng, Nhà nước ta trong điều kiện toàn cầu hóa, góp phần nâng cao vị thế, uy tín Việt Nam trên trường quốc tế. Bài viết khái lược những luận điểm cơ bản trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh và giá trị đối với việc hoạch định đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trên một số khía cạnh nổi bật về mục tiêu, phương châm, nguyên tắc, chính sách...

● **Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối đối ngoại; kinh tế; ngoại giao.

Đặt vấn đề

Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao là sản phẩm kết hợp chủ nghĩa yêu nước, văn hoá dân tộc và truyền thống ngoại giao Việt Nam, tinh hoa văn hoá thế giới. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại bởi theo Người, đó là hai mặt tất yếu trong sự phát triển của một quốc gia, nhất là trong xu thế quốc tế hóa. Và chính Người, với những phẩm chất trí tuệ, cốt cách và văn hóa ngoại giao hiện đại, nhân văn là minh chứng có giá trị thực tiễn sâu sắc đối với đường lối lãnh đạo của Đảng trong quá trình hội nhập quốc tế.

Nội dung

1. Một số nội dung cốt lõi trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh

Thứ nhất, ngoại giao phải đảm bảo độc lập dân tộc, chủ quyền và an ninh quốc gia

Ngoại giao Việt Nam phải luôn giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ, tự mình quyết định đường lối, chủ trương của mình. Đây là một nguyên tắc cơ bản trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Trong các Di bút của Người, quyền dân tộc luôn được đề cao, có ý nghĩa quan trọng, đó là quyền tự quyết, là độc lập dân tộc, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ. Vì vậy, trong toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người chiến đấu không khoan nhượng để giành, giữ

và thực hiện các quyền cơ bản ấy cho dân tộc Việt Nam. Bản *Tuyên ngôn độc lập* ngày 2 tháng 9 năm 1945 đã đi vào lịch sử dân tộc, khẳng định trước toàn thể thế giới rằng “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập, toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc vì các quyền dân tộc cơ bản của họ, tập hợp các lực lượng tiến bộ, nêu cao ngọn cờ đấu tranh để đạt các quyền ấy. Tháng 6 năm 1955, trong dịp sang thăm Trung Quốc, Người nêu rõ quan điểm: Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà sẵn sàng thiết lập quan hệ hợp tác với bất

cứ nước nào trên những nguyên tắc là hoàn toàn tôn trọng chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm hay can thiệp nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi². Trong tư tưởng của Người, không chỉ tính pháp lý quốc tế được chú trọng, phát huy mà Người luôn nêu cao chính nghĩa, chuyển hóa các giá trị ngoại giao truyền thống của dân tộc Việt Nam để đề cao giá trị nhân văn, đạo lý trong quan hệ kinh tế quốc tế nhằm tranh thủ sự đồng lòng ủng hộ của lực lượng tiến bộ, nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới để đấu tranh với các lực lượng xâm lược, nô dịch. Trong thời kỳ đấu tranh ngoại giao đầy khó khăn của Việt Nam với thực dân Pháp, một mặt, Người không ngừng ca ngợi tư tưởng nhân văn của cuộc cách mạng Pháp; mặt khác, thông

qua hoạt động ngoại giao, viết báo, Người đã gửi đi bức thông điệp hoà bình, hòa hiếu, hợp tác của nhân dân Việt Nam và cam kết Việt Nam sẽ thực hiện đầy đủ các quyền lợi cơ bản trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa... của Pháp tại Việt Nam. Ngày 12 tháng 7 năm 1946, trong buổi họp báo công bố lập trường sáu điểm trong cuộc thương lượng Việt - Pháp, Người nói: “Chỉ có lòng tin cậy lẫn nhau và sự cộng tác bình đẳng, thật thà thì mới đưa đến kết quả thân thiện giữa hai nước”³.

Thứ hai, trong quan hệ quốc tế cần phát huy cao độ tự lực, tự cường.

Với sự sẵn tiếp chính trị, chiều sâu của tầm nhìn, Chủ tịch Hồ Chí Minh có tư duy nổi bật về quan hệ giữa độc lập tự chủ, tự lực tự cường gắn với mở rộng quan hệ quốc tế, coi đây vừa là nhiệm vụ cách mạng,

vừa là cách thức để thực hiện khát vọng độc lập, tự do. Người khẳng định rằng, trước hết phải tự mình giúp mình rồi người ta mới giúp cho. Người cho rằng, độc lập tự chủ trước hết là có tư duy, đường lối lãnh đạo tự chủ; tự quyết, sáng tạo, linh hoạt trong mọi hành động. Trong cuộc đời hoạt động của mình, nhận thức và vận dụng linh hoạt lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ của nhân tố chủ quan - khách quan, Người cho rằng để thực hiện mục tiêu cách mạng cần phát huy cao độ nội lực, đó là tinh thần yêu nước, sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc... Đây cũng chính là sức mạnh tạo nền tảng để tăng cường đoàn kết, hợp tác quốc tế.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao là sản phẩm kết hợp chủ nghĩa yêu nước, văn hoá dân tộc và truyền thống ngoại giao Việt Nam, tinh hoa văn hoá thế giới. Sinh thời, Người đặc biệt chú trọng bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại bởi theo Người, đó là hai mặt tất yếu trong sự phát triển của một quốc gia, nhất là trong xu thế quốc tế hóa.

Theo Người: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào... Tự lực cánh sinh, giành được thắng lợi phải do nỗ lực của chính bản thân ta quyết định”⁴. Người cũng nhấn mạnh rằng, độc lập tự chủ hoàn toàn xa lạ với sự biệt lập và chủ nghĩa biệt phái, độc lập tự chủ không nằm ngoài sự đoàn kết, giao lưu quốc tế. Đó là hai mặt biện chứng của một vấn đề: “Các nước bạn ta... ra sức giúp đỡ ta một cách vô tư, khảng khái, để chúng ta có thêm điều kiện tự lực cánh sinh”⁵. Sự đoàn kết và hợp tác quốc tế là cách thức để gia tăng sức mạnh nội sinh, khai thác yếu tố bên ngoài, tạo điều kiện chuyển hóa thành những lợi thế cho sự nghiệp cách mạng trong nước.

Thứ ba, tiến hành quan hệ đối ngoại bằng nhiều hình thức, nhiều nước khác nhau.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến khoảng 30 quốc gia, điều đó cho thấy cuộc đời của Người là minh chứng sáng rõ cho chủ trương đa phương hóa quan hệ với các nước, các đối tác. Trong nội dung *Lời kêu gọi Liên hợp quốc* (12/1946) đã thể hiện rõ quan điểm của Người: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực: a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình... c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc”⁶. Quan điểm này đồng thời cho thấy bên cạnh sự đa dạng quan hệ ngoại giao, còn là sự linh hoạt về chính sách, sự tuân thủ nguyên tắc ngoại giao của Liên hợp quốc mà Việt Nam luôn đề cao.

Lịch sử ngoại giao Việt Nam cho thấy, để gia tăng sức mạnh từ bên ngoài cho sự nghiệp

cách mạng, dưới sự dẫn dắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã triển khai hoạt động đối ngoại trên nhiều hướng: đấu tranh thi hành hiệp định Giơnevơ, tăng cường củng cố quan hệ và tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của Liên xô, Trung Quốc, mở rộng quan hệ hữu nghị với Campuchia và Lào, gắn kết với phong trào giải phóng dân tộc ở các châu lục... Đó là sự hiện thực hóa đường lối đối ngoại đa phương. Đồng thời, để chuyển hóa những yếu tố quốc tế ủng hộ cho Việt Nam thành nhân tố quan trọng góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, Người đã lãnh đạo Đảng thực hiện phương châm ngoại giao “tâm công”, kêu gọi sự ủng hộ, đoàn kết quốc tế, tranh thủ huy động sức mạnh các lực lượng ngoại giao khác nhau theo phương châm “toàn dân, toàn diện”. Đặc biệt, dưới góc độ chính trị trong ngoại giao, Người luôn nhấn mạnh phải làm cho nước mình ít kẻ thù hơn hết và nhiều bạn đồng minh hơn hết.

Thứ tư, trong quan hệ quốc tế phải phân định rõ các mối quan hệ.

Thực tiễn cách mạng cho thấy, trong quan hệ, đối xử với các nước là bạn bè, láng giềng, đồng chí, Hồ Chí Minh luôn dành tình cảm quý trọng, chân thành để vun đắp mỗi tâm giao. Người khẳng định Việt Nam sẵn sàng làm bạn, không gây thù oán với bất kỳ ai. Với từng trường hợp xác định cụ thể, Người dựa trên tính tương đồng để phát huy khả năng, thái độ hợp tác tương trợ nhau, hoặc giảm thiểu sự công khai chống đối. Hồ Chí Minh nhấn mạnh yếu tố “đối tượng” trong đối tác: “Nhân dân Việt Nam coi nhân dân Mỹ là bạn của mình; chúng tôi chống là chống chính sách can thiệp...”⁷.

Một điều mà bạn bè quốc tế cũng nhận thấy là Hồ Chí Minh luôn đề cao chữ tình, chữ tín trong quan hệ với các quốc gia. Thâm nhàn



*Thủ tướng Phạm Minh Chính cùng trưởng đoàn các nước ASEAN dự Diễn đàn Tương lai ASEAN 2024
_ Ảnh: plo.vn*

nét đẹp văn hóa Việt Nam coi trọng nghĩa tình, đoàn kết quốc tế, Người cho rằng: “Tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà”⁸. Người cũng luôn căn dặn Đảng cần phải coi trọng giáo dục thế hệ trẻ và nhân dân luôn quý trọng, biết ơn và xây đắp tình hữu nghị, đoàn kết giữa các nước láng giềng, anh em bởi đó là điều “thiên kinh địa nghĩa”.

2. Vận dụng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh trong hoạch định đường lối đối ngoại của Đảng và một số kết quả thực tiễn

Qua hơn 38 năm đổi mới, vận dụng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, Đảng đã đề ra đường lối đối ngoại khoa học, sáng tạo, sát thực tiễn. Với quan điểm “Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng

quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực”, đường lối đối ngoại của nước ta ngày càng đi vào chiều sâu và đạt kết quả thiết thực, biểu hiện trên một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, đường lối đối ngoại Việt Nam luôn vì mục tiêu tối thượng “vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh”.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”⁹. Đại hội cũng xác

định phương châm: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa”¹⁰. Đại hội XIII nhất quán quan điểm Đại hội IX, bổ sung thêm luận điểm nhằm tăng cường tính chủ động, không để bị động, bất ngờ: “Tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác”¹¹. Điều đó có thể hiểu, mục tiêu tối thượng của hội nhập quốc tế là đề cao sự ổn định, phát triển bền vững của đất nước trong điều kiện tuân thủ nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Hội nhập quốc tế để làm cho kinh tế phát triển nhanh, bền vững vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh. Vì vậy, trong quá trình hội nhập phải hoàn toàn tự chủ trong quyết định đường lối, chính sách phát triển, không chịu sức ép của bất kỳ yếu tố bên ngoài nào; đảm bảo nền kinh tế thích ứng cao với sự thay đổi điều kiện chính trị - xã hội trong nước và quốc tế; đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, các bước đi của quá trình hội nhập đó phải tạo ra những điều kiện, cơ hội cho việc mở rộng thị trường, đối tác, thu hút vốn, khoa học - công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, nhằm phát huy tối đa các nguồn lực ở trong nước để đảm bảo cho sự phát triển nhanh và vững chắc gắn với quá trình hiện đại hóa nền kinh tế, đổi mới sáng tạo. Điều đó thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh với tăng cường quan hệ ngoại giao, hướng tới nâng vị thế quốc gia để bước vào kỷ nguyên phát triển thịnh vượng của dân tộc.

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng và Nhà nước luôn nhận diện rõ và dự báo nguy cơ trước sự thay đổi của tình hình thế giới, tiến hành đổi mới toàn diện, trong đó có đổi mới

tư duy đổi mới, đó là kết quả sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao. Từ khi tiến hành đổi mới đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước đã thoát khỏi thế bị bao vây cấm vận, cải thiện và đưa vào chiều sâu mối quan hệ với các nước anh em, láng giềng, tăng cường mở rộng quan hệ, nhất là trên lĩnh vực đầu tư, khoa học - công nghệ, đào tạo nhân lực... với các nước lớn, các nước có tiềm lực khoa học hiện đại; đảm bảo chủ quyền an ninh vùng biển đảo... tạo dựng vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, phát triển bền vững, vì con người.

Thứ hai, phát huy cao độ nội lực, huy động ngoại lực; nội lực là yếu tố quyết định.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tăng cường đoàn kết và hợp tác quốc tế trên cơ sở nêu cao tinh thần tự lực, tự cường là một trong những vấn đề quan trọng trong tư tưởng ngoại giao của Hồ Chí Minh, làm cơ sở lý luận xây dựng đường lối độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế của Đảng trong giai đoạn hiện nay: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển”¹²; “Gắn kết chặt chẽ quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp, huy động tiềm năng của toàn xã hội”¹³, trong đó sức mạnh nội sinh (con người, đường lối lãnh đạo, truyền thống văn hóa, khoa học - công nghệ...) là nhân tố quyết định, sức mạnh ngoại sinh rất quan trọng, góp phần gia tăng vốn, trình độ công nghệ hiện đại, cũng như khai thác được yếu tố tiềm năng vốn có của đất nước.

Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 09/01/2023 của Bộ Chính trị *Về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII* của Đảng xác định: Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí

độc lập tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực bên trong là quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng. Trong Kết luận số 71-KL/TW của Bộ Chính trị (10/09/2014) tiếp tục nêu rõ: Chủ động ngăn ngừa, hoá giải, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, xung đột, kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại, quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Thứ ba, đường lối ngoại giao mang bản sắc “cây tre” với phương châm “đa phương hóa, đa dạng hóa” đạt nhiều kết quả nổi bật.

Ngoại giao mang bản sắc “cây tre” là nền ngoại giao kiên trì trong nguyên tắc nhưng linh hoạt, mềm mỏng, khéo léo trong sách lược. Ngoại giao mang bản sắc “cây tre” cũng là biểu hiện rõ nét phương châm ngoại giao “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng ta cụ thể hóa trong Nghị quyết Đại hội X: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế... Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực”¹⁴; “đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”¹⁵. “Nâng cao hiệu quả đối ngoại đa phương, nhất là trong ASEAN, liên hợp quốc...”¹⁶. Đến Đại hội XIII, Đảng nhấn mạnh: “Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột...”¹⁷; “Đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương... Coi trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước láng giềng... Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các đối tác, đặc biệt là đối tác chiến lược, đối tác toàn diện...”¹⁸.

Với đường lối đó, qua hơn 38 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đến nay chúng ta đã có quan hệ ngoại giao với hơn 230 quốc gia, tổ chức, vùng lãnh thổ; trong đó có quan hệ kinh tế đối ngoại với khoảng 188 quốc gia, tổ chức, vùng lãnh thổ. Đặc biệt, cho đến năm 2025, nước ta đã xây dựng quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với 12 quốc gia (trong đó có Nga, Hoa Kỳ, Pháp). Việt Nam cũng là thành viên của một số tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế như APEC, ASEAN, WTO...; ký kết hơn 500 Hiệp định thương mại, trong đó có Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA). Quan hệ đối ngoại được tiến hành cả hình thức song phương và đa phương; thông qua viện trợ, đầu tư, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao, phục vụ quá trình phát triển đất nước.

Những năm qua, việc phát triển thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đang được xem là “trụ cột”, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế: Năm 2023, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài Việt Nam huy động được là 36,61 tỷ USD (con số này cho thấy mức tăng hơn 32,1% so với 2022). Theo Tổng cục thống kê, năm 2024 số vốn FDI vào Việt Nam đạt 38,23 tỷ USD¹⁹. Năm 2023, khu vực kinh tế có vốn FDI là nguồn đóng góp quan trọng vào ngân sách quốc gia, đạt khoảng 18,3 tỷ USD; giá trị xuất khẩu của khu vực kinh tế này đạt 259,1 tỷ USD (chiếm khoảng 73,1% kim ngạch xuất khẩu của cả nước). Cùng với đó, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2023 đạt 681 tỉ USD; năm 2024 đạt khoảng 786,29 tỉ USD, tăng 15,9% so với năm 2023, trong đó, giá trị xuất khẩu đạt 405,53 tỷ USD, xuất siêu khoảng 24,77 tỷ USD²⁰. Với kết quả này, Việt Nam là

quốc gia xuất siêu 9 năm liên tiếp. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất, với kim ngạch đạt 119,6 tỷ USD (chiếm khoảng gần 30% giá trị xuất khẩu). Bên cạnh sự phát triển kinh tế, hàng năm, khu vực FDI cũng tạo ra khối lượng việc làm cho người lao động khá lớn tại Việt Nam, khoảng hơn 360.000 người.

Một điểm sáng trong việc thu hút FDI gắn với chủ trương phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo là tập trung vào các lĩnh vực quan trọng, mũi nhọn để phát triển kinh tế như công nghệ bán dẫn, AI. Nhiều tập đoàn kinh tế của các nhà đầu tư nước ngoài đã kêu gọi các đối tác lớn của họ tăng vốn đầu tư vào Việt Nam, điển hình như Tập đoàn Apple của Mỹ đã đưa 11 nhà máy sản xuất sang Việt Nam, đồng thời kêu gọi đối tác Foxconn, Luxshare và Goertek gia tăng vốn đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất... Việt Nam tiếp tục duy trì năng lực cạnh tranh tại các thị trường quan trọng như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản... Đồng thời, Việt Nam cũng gia tăng đầu tư đến một số quốc gia như Lào, Hà Lan, New Zealand, Đức...

Thứ tư, giải quyết hài hòa những bất đồng trên cơ sở giải quyết đúng đắn mối quan hệ “đối tác” - “đối tượng”.

Quán triệt và vận dụng sáng tạo quan điểm Việt Nam sẵn sàng làm bạn với mọi nước dân chủ và không gây thù oán với ai của Chủ tịch Hồ Chí Minh, qua các kỳ Đại hội, Đảng ta xác định rõ quan điểm về đối tác - đối tượng. Đại hội VII, Đảng ta nhấn mạnh: Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước... Sau 10 năm thực hiện, tại Đại hội IX Đảng bổ sung, hoàn thiện: Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế. Đại hội X, quan điểm đó được cụ thể hoá: “Những ai tôn trọng lợi ích quốc gia - dân tộc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, quan hệ

hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, cùng phát triển với Việt Nam đều là đối tác; bất kỳ thế lực nào có âm mưu, hành động chống phá sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của ta đều là đối tượng”. Mặt khác, trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cạnh tranh thù, hợp tác; trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta. Vì lợi ích của mình, ta vẫn phải gia tăng mặt hợp tác để hạn chế những bất lợi, biết tận dụng, khai thác tốt các nguồn nội tại trong nước nhằm phát huy lợi thế so sánh trên sân nhà. Và như vậy, việc chuyển từ tư duy bạn, thù sang tư duy đối tác, đối tượng trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc; thấy rõ sự đan xen, chuyển hóa giữa đối tượng, đối tác là bản lẻ để Đảng xây dựng đường lối quan hệ quốc tế rộng rãi, xử lý hài hòa nảy sinh liên quan đến tranh chấp chủ quyền biển, đảo, vì lợi ích quốc gia, dân tộc.

Kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá theo phương châm “thêm bạn, bớt thù”, “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”, đây là điểm phát triển mới cả về tư duy, nhận thức cũng như thực tiễn tiến hành đường lối, chính sách hội nhập quốc tế sâu, rộng của Đảng ta. Đó là kết quả của sự phát triển biện chứng tư duy của Đảng trên cơ sở ánh sáng tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Năm vững hai mặt hợp tác, bắt tay và đấu tranh, ngăn ngừa trong quan hệ quốc tế hiện nay, Đảng cũng nhấn mạnh, cần thấy rõ hai mặt đó đậm nhạt tùy từng đối tượng, trên từng vấn đề và ở từng thời điểm, cố gắng thúc đẩy mặt hợp tác, đấu tranh để hợp tác, tránh trực diện đối đầu, tự đẩy mình vào thế cô lập.

Dự báo những năm tới, cục diện chính trị - an ninh thế giới có nhiều chuyển biến khó lường, các nước lớn tăng cường điều chỉnh chiến lược, nền kinh tế số đang dẫn tới sự dịch chuyển

quyền lực toàn cầu cả phương diện không gian địa lý và chủ thể quyền lực, các vấn đề mang tính toàn cầu ảnh hưởng không nhỏ đến mọi quốc gia cũng như mối quan hệ đan cài... Vì vậy, để góp phần vào sự phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Đảng, Nhà nước và nhân dân cần tiếp tục quán triệt phương châm “Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”²¹, đưa quan hệ đối ngoại ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo ra những tiền đề quan trọng để Việt Nam thực sự vươn mình trong kỷ nguyên mới.

Kết luận

Qua gần 40 năm đổi mới, với sự sáng tạo

trong đường lối đối ngoại trên nền tảng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, quan hệ đối ngoại của Việt Nam không ngừng được mở rộng, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của đất nước. Đây là minh chứng rõ nét sự vận dụng sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh của Đảng trong điều kiện mới, nhằm xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Trước sự phát triển của thực tiễn, những năm tới cần tiếp tục quán triệt, thực hiện có hiệu quả đường lối đối ngoại của Đảng, góp phần quan trọng vào việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế, uy tín của quốc gia trên trường quốc tế ❖

^{1,6} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.4, 470.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tập 8, tr.5.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.369.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.136.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tập 10, tr.103.

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tập 9, tr.93.

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tập 12, tr.54.

^{9,10} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tr.42, 43.

^{11, 12, 13, 17, 18, 21} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.135, 161, 164, 162, 162-163, 161-162.

¹⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, tr.112

^{15, 16} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.35, 314.

¹⁹ “FDI năm 2024 đạt mức cao nhất từ trước tới nay”, trên <https://vov.vn>, truy cập ngày 06/01/2025.

²⁰ Ngọc Anh: “Việt Nam: Xuất, nhập khẩu năm 2024 vượt 786 tỷ USD” trên <https://www.qdnd.vn> truy cập ngày 6/1/2025.